TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **267**/2025/DS-PT
Ngày: 22-9-2025
V/v Tranh chấp: *" Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu và ông Nguyễn Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Phan Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

Do, Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2025/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2025/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị Bí N, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số A, tổ D, khóm A, phường C (trước là phường C, thành phố C), tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

+ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thái Thị Bí N: Ông Hà Sơn B, sinh năm 1987; địa chỉ: Khóm C, phường C (trước là phường C, thành phố C), tỉnh An Giang đại diện theo Giấy ủy quyền được Văn phòng C, quyển số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/10/2024 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Vũ H, sinh năm 1962 (Có mặt)

2.2. Bà Lâm Thị Tú K, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số B T, phường T (trước đây là Quận G), thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ tạm trú: Số D, tổ A, khóm M, phường C (trước là phường V, thành phố C), tỉnh An Giang

+ Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lâm Thị Tú K: Ông Lê Vũ H, sinh năm 1962. Địa chỉ thường trú 2 T, phường T (trước đây là Quận G), thành phố Hồ Chí Minh đại diện theo văn bản ủy quyền được Văn phòng C1, quyển số 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/3/2025 (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Ông Lê Vũ H, bà Lâm Thị Tú K là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày tại phiên tòa:* Vào ngày 14/5/2019 ông H, bà K có vay bà Bí N số tiền 90.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Đến ngày 16/5/2019 ông H, bà K vay thêm 10.000.000 đồng và 40.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Tổng cộng vay 03 khoản số tiền 140.000.000 đồng. Từ thời điểm vay đến nay chưa thanh toán vốn và tiền lãi.

Bà Bí N khởi kiện yêu cầu ông H, bà K trả một lần số nợ vốn gốc 140.000.000 đồng cho bà Bí N và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 14/5/2019 cho đến khi xét xử xong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày vào ngày 27/3/2025 ông B có chuyển vào tài khoản bà Bí N số tài khoản 6574347 Ngân hàng TMCP Á (A) chi nhánh C2 số tiền 5.000.000 đồng nên nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện yêu cầu ông B, bà K trả cho bà Bí N số tiền gốc 135.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 16/5/2021 đến nay với lãi suất theo quy định pháp luật.

** Bị đơn ông Lê Vũ H, bà Lâm Thị Tú K trình bày*: Ông bà thống nhất vào ngày 14/5/2019 có vay bà Bí N số tiền 90.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Đến ngày 16/5/2019, ông bà vay thêm 10.000.000 đồng và 40.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Tổng cộng vay 03 khoản số tiền 140.000.000 đồng. Từ thời điểm vay đến ngày khởi kiện chưa thanh toán vốn và tiền lãi. Do hoàn cảnh khó khăn, đã cao tuổi, không có thu nhập ổn định nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Đồng thời ông H có chuyển trước vào tài khoản bà Bí N số tiền 5.000.000 đồng để chứng minh thiện chí trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, ông H có đơn trình bày cho rằng không có thỏa thuận lãi suất với bà Bí N nên không đồng ý trả tiền lãi,

chỉ đồng ý trả số tiền 135.000.000 đồng với phương thức mỗi tháng trả dần 5.000.000 đồng.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2025/DS-ST ngày 27/5/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 05/2025/QĐSCBSBA ngày 28 tháng 5 năm 2025; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 06/2025/QĐSCBSBA ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân nhân dân thành phố Châu Đốc nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13-An Giang đã quyết định:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Bí N.

Buộc ông Lê Vũ H và bà Lâm Thị Tú K trả số tiền 189.412.000 (trong đó bao gồm 135.000.000 đồng tiền vốn gốc và 54.412.500 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/6/2025, ông Lê Vũ H, bà Lâm Thị Tú K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, ông bà không đồng ý với quyết định của Tòa án thành phố C nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13-An Giang xét xử buộc ông H, bà Tú K phải trả cho bà Thái Thị Bí N số tiền 135.000.000 đồng vốn gốc, cùng 54.412.500 đồng tiền lãi suất. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Lê Vũ H, bà Lâm Thị Tú Kim G yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chỉ đồng ý trả tiền vốn vay số tiền còn lại là 130.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi cho phía nguyên đơn

+ Ông Hà Sơn B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thái Thị Bí N có Bản ý kiến ngày 16/9/2025 thể hiện nội dung sau khi Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13-An Giang xét xử ngày 27/5/2025 thì đến ngày 30/5/2025, ông H có chuyển khoản vào số tài khoản 6574347 tại Ngân hàng A-Phòng G1 cho bà Thái Thị Bí N số tiền 5.000.000 đồng. Ông B xác định bà Bí N đã nhận được 5.000.000 đồng nên tiền vốn gốc còn lại là 130.000.000 đồng, còn phần tiền lãi vẫn yêu cầu ông H, bà Tú K trả tiền lãi cho bà Bí N. Đồng thời, ông B có đơn ngày 16/9/2025, yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Vũ H, bà Lâm Thị Tú K; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13-An Giang về tiền vốn vay và phần tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Lê Vũ H, bà Lâm Thị Tú K kháng cáo trong hạn luật định và ông H thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, bà K đã nộp án phí theo quy định nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với địa chỉ nơi cư trú của ông H, bà K mặc dù đăng ký thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông bà xác định trước đây vợ chồng ông bà có tạm trú tại số D, tổ A, khóm M, phường C (trước là phường V, thành phố C), tỉnh An Giang và theo phiếu xác minh tình trạng cư trú công an phường C xác nhận. Tại phiên tòa, ông H xác định vợ chồng ông bà đồng ý do Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13-An giải quyết là phù hợp theo Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bà Lâm Thị Tú K ủy quyền cho ông Lê Vũ H đại diện theo giấy ủy quyền được Văn phòng C1, quyển số 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/3/2025 là phù hợp theo quy định

[1.4] Ông Hà Sơn B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thái Thị Bí N đề nghị xét xử vắng mặt xét yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp theo khoản 1 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Vũ H, bà Lâm Thị Tú K, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Các bên thống nhất vào ngày 14/5/2019 ông H, bà K có vay bà Thái Thị Bí N số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng. Đến ngày 16/5/2019 ông H, bà K vay thêm 10.000.000 đồng và 40.000.000 đồng. Tổng cộng vay 03 khoản số tiền 140.000.000 đồng. Từ thời điểm vay đến nay ông H, bà Tú K chưa

thanh toán vốn và tiền lãi. Nguyên đơn trình bày cho vay, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng còn bị đơn cho rằng không có lãi suất

[2.2] Đến ngày 27/3/2025, ông H có chuyển vào tài khoản của bà Bí N số tiền 5.000.000 đồng vào số tài khỏan 6574347 của bà Bí N tại Ngân hàng TMCP Á (A) chi nhánh C2 và được nguyên đơn xác định có nhận và đồng ý khấu trừ vào tiền vốn vay nên chỉ yêu cầu ông H, bà Tú K trả tiền vốn vay 135.000.000 đồng, cùng lãi suất tính từ ngày 16/5/2021 đến ngày xét xử

[2.3] Hội đồng xét xử nhận thấy giữa hai bên mặc dù có lời trình bày nội dung của Biên nhận ngày 14/5/2019, về hình thức và nội dung của biên nhận có ghi về khoản tiền nợ vay nhận đợt 1 số tiền 90.000.000 đồng chỉ cho vay thời hạn 03 tháng, các số tiền vay đợt 2, đợt 3 không ghi ngày tháng năm của số tiền 50.000.000 đồng không thỏa thuận thời hạn và ghi lãi suất. Hội đồng xét thấy các đương sự đều thống nhất số tiền được ghi tại biên nhận nợ ngày 14/5/2019 xác định nợ vốn vay của số tiền ông H, bà Tú K là 140.000.000 đồng và sau đó phía bị đơn có trả được 5.000.000 đồng được nguyên đơn xác nhận nên số nợ vốn vay ông H, bà T Kim nợ bà Bí N số tiền 135.000.000 đồng, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định số tiền vốn vay là phù hợp theo quy định

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cung cấp phiếu chuyển tiền 5.000.000 đồng cho bà Bí N vào ngày 30/5/2025, được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận ông H có trả thêm tiền vốn và xác định tiền vốn bị đơn còn nợ là 130.000.000 đồng

[2.5] Ông H, bà Tú K kháng cáo không đồng ý trả tiền lãi và yêu cầu trả dần tiền còn nợ bà Bí N. Nhận thấy, tại bản tự khai, cũng như trong quá trình giải quyết đối với vụ án ông H, bà Tú K đều thừa nhận có vay và còn nợ tiền vốn cũng như không đóng lãi cho bà Bí N đây là sự tự nguyện của các bên đương sự thỏa thuận vay tài sản được điều chỉnh tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ông H, bà Tú Kim vi P nghĩa vụ trả lại tiền vốn vay làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Bí N nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền vốn vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.6] Tại phiên tòa, ông H, bà K xin trả dần số tiền nợ vay nhưng phía nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể xem xét việc trả dần theo yêu cầu của bị đơn đối số tiền nợ vốn vay 130.000.000 đồng cho bà Bí N.

[2.7] Về lãi suất nhận thấy đối với khoản vay đợt 2 (10.000.000 đồng) và đợt 3 (40.000.000 đồng), tổng số tiền 50.000.000 đồng thì các bên chỉ ghi mượn thêm không có thỏa thuận về thời hạn trả và lãi. Do đó, được xem số tiền 50.000.000 đồng là khoản vay không thời hạn và cũng như không có quy định về lãi suất việc cấp sơ thẩm tính lãi cùng vào thời điểm vay số tiền 90.000.000 đồng là chưa phù hợp nên cần điều chỉnh lại đối với khoản vay không thời hạn. Nguyên đơn bà Bí N chưa thông báo trước một thời gian hợp lý cho ông H, bà Tú K về việc trả số tiền này, cũng như nguyên đơn bà Bí N không cung cấp văn bản đã thông tin yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 50.000.000 đồng theo khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015

+ Hội đồng xét xử tính lại lãi suất của số tiền vốn vay 10.000.000 đồng và số tiền 40.000.000 đồng tính từ ngày thụ lý đối với vụ án là 16/10/2024 để xác định tính lãi trên tổng số tiền vốn vay 50.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/5/2025) là 7 tháng 11 ngày:

50.000.000 đồng x 10%/năm x 7 tháng 11 ngày = 3.071.000 đồng (*Ba triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*)

+ Tiền vốn vay là 90.000.000 đồng, tính lãi 10%/năm tính từ ngày 16/5/2021 đến ngày xét xử 27/5/2025 là 4 năm 11 ngày:

90.000.000 đồng x 10%/năm x 4 năm 11 ngày = 36.275.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)

Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi ông H, bà K có nghĩa vụ trả cho bà Bí N số tiền là 169.346.000 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*), trong đó: tiền vốn vay là 130.000.000 đồng, tiền lãi là 39.346.000 đồng

[3] Bản án sơ thẩm về cách tính lãi chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn sửa án sơ thẩm về lãi là phù hợp theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và nên có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Vũ H và bà Lâm Thị Tú K cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.467.300 đồng (*Tám triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm đồng*) nhưng ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên thuộc trường hợp được miễn ½ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.233.650 đồng (*Bốn triệu hai trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi đồng*) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Vì vậy, bà Tú K phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.233.650 đồng (*Bốn triệu hai trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi đồng*).

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên ông H, bà K không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nhưng ông H là người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên không thuộc trường hợp hoàn lại tiền. Bà K được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Vũ H, bà Lâm Thị Tú K

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13-An Giang và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 05/2025/QĐSCBSBA ngày 28 tháng 5 năm 2025; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 06/2025/QĐSCBSBA ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân nhân dân thành phố Châu Đốc nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13-An Giang:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Bí N.

Buộc ông Lê Vũ H và bà Lâm Thị Tú K trả cho bà Thái Thị Bí N số tiền 169.346.000 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*). Trong đó: tiền vốn vay theo biên nhận ngày 14/5/2019 là 130.000.000 đồng, tiền lãi là 39.346.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thái Thị Bí N là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên không thuộc trường hợp hoàn lại tiền án phí.

Bị đơn ông Lê Vũ H và bà Lâm Thị Tú K cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.467.300 đồng (*Tám triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm đồng*) nhưng ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên thuộc trường hợp được miễn ½ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.233.650 đồng (*Bốn triệu hai trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi đồng*) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Vì vậy, bà Tú K phải

nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.233.650 đồng (*Bốn triệu hai trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi đồng*).

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Vũ H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định nên không thuộc trường hợp hoàn lại tiền án phí.

Bà Lâm Thị Tú K được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0001005 ngày 21/8/2025 của Phòng thi hành án Dân sự khu vực 13-An Giang

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

**** Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa Dân sự;
- VKSND tỉnh AG;
- Phòng GĐKT,TT&THA;
- TAND Khu vực 13-An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 13-An Giang;
- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Ngọc Thúy